CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***558 150***	***170 882***	***387 268***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**173 494**	**31 504**	**141 990**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***26 265***	***25 366***	***899***			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	06/11	2927/11	16/11	HẢI ĐĂNG 68	CÁM 5A.1	3 000	2 871	129	13/11	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	06/11	2928/11	16/11	HẢI ĐĂNG 68	CÁM 5A.1	2 800	2 552	248	13/11	HỘ LỚN	
3		ĐẠM HÀ BẮC	10/11	740/11	20/11	QN 4330	CÁM 4A.1	1 700	1 672	28	13/11	HỘ LỚN	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	12/11	2986/11	22/11	MINH HẰNG 222	CÁM 5A.1	4 600	4 390	210	14/11	HỘ LỚN	
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	12/11	2986/11	22/11	MINH HẰNG 222	CÁM 5A.1	4 600	4 390	210	14/11	HỘ LỚN	
6		ĐẠM HÀ BẮC	14/11	753/11	24/11	QN 9300	CÁM 4A.1	4 065	4 033	32	15/11	HỘ LỚN	
7		XI MĂNG BẠCH ĐẰNG	14/11	752/11	24/11	HP 6863	CÁM 4A.1	2 300	2 290	10	15/11	HỘ LỚN	
8		VẬN TẢI THỦY	11/11	2981/11	18/11	HP 6739	CỤC 5A.1	800	796	4	13/11	TD	
9		CP VĨNH THẮNG	13/11	2994/11	20/11	BN 1798	CỤC 5A.1	1 200	1 189	11	14/11	TD	
10		ĐTTMDV	07/11	2940/11	14/11	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200	1 183	17	15/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***26 200***	***6 138***	***20 062***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/11	726/11		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 5A.10	26 200	6 138	20 062	DỠ	HỘ LỚN	Thay TBRT 719/11
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***121 029***		***121 029***			
1		ĐẠM NINH BÌNH	10/11	742/11	20/11	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/11	744/11		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTCO: 25.500 TTHG: 21.000
3		ĐIỆN NGHI SƠN	11/11	745/11	21/11	VTT 19	CÁM 5A.10	3 150		3 150		HỘ LỚN	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	13/11	750/11		PACIFIC 01	CÁM 6A.14	27 690		27 690		HỘ LỚN	
5		ĐẠM HÀ BẮC	15/11	754/11	25/11	HN 0259	CÁM 4A.1	3 800		3 800		HỘ LỚN	
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/11	755/11		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 300		29 300		HỘ LỚN	
7		VẬN TẢI THỦY	09/11	2858/11	16/11	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	GIA HẠN L1
8		VẬN TẢI THỦY	09/11	2956/11	16/11	BN 0959	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	
9		SX&TM THAN UÔNG BÍ	09/11	2966/11	16/11	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
10		XDCNM ĐÔNG BẮC	09/11	2970/11	16/11	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
11		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	10/11	2975/11	17/11	BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	
12		XNK THAN	13/11	2987/11	20/11	QN 8748	CỤC XÔ 1C	944		944		TD	
13		ĐTTMDV	15/11	2940/11	22/11	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
	Tàu chuyển tải							**165 450**	**67 430**	**98 020**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***87 450***	***67 430***	***20 020***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	06/11	714B/11		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	38 560	2 690	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 4.000 CLM: 31.000 KVCP: 6.250
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	06/11	733/11		HẢI NAM 88	CÁM 5A.14	23 000	19 170	3 830	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 CLM: 17.000
3		KDT MIỀN BẮC	10/11	741/11		STAR CITY	CÁM 5B.1	18 200	9 700	8 500	DỠ	PTCB	NGUỒN TTHG
							CÁM 5A.1	5 000		5 000		PTCB	
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***78 000***		***78 000***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/11	728/11		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 KVCP: 4.600
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	11/11	743/11		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 5A.14	23 300		23 300		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 CLM: 13.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/11	751/11		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 100		29 100		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCO: 9.100
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**81 797**	**34 756**	**47 041**			
	Tàu đã làm hàng							***32 148***	***30 694***	***1 454***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	07/11	2939/11	17/11	NB 6776	CÁM 7B	1 903	1 892	11	13/11	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		XNK THAN	09/11	2964/11	19/11	QN 8698	CÁM 7B	3 258	3 192	66	13/11	PTCB	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2943/11
3		KDT MIỀN BẮC	13/11	2989/11	23/11	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400	1 382	18	14/11	PTCB	NGUỒN HL
4		XNK THAN	11/11	2980/11	21/11	HÙNG KHÁNH 86	CÁM 4A.1	3 000	2 494	506	15/11	PTCB	NGUỒN CS
5		THÁI DƯƠNG STAR	12/11	2922B/11	19/11	QNL - TĐ 06 (QN 8961)	CÁM 8A	5 426	5 184	242	13/11	TD	
6		VT & KDT	07/11	2941/11	14/11	QN 8265	CÁM 8A	1 970	1 967	3	13/11	TD	
7		THAN SÔNG HỒNG	10/11	2976/11	17/11	TNG 0889	CỤC DON 8C	990	982	8	14/11	TD	NGUỒN HL
8		MẶT TRỜI VIỆT	11/11	2751/10	18/11	BN 2382	CỤC XÔ 1B	1 100	1 080	20	14/11	TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		XNK VTA	05/11	2904/11	12/11	QN 7565	CÁM 8A	1 970	1 916	54	14/11	TD	NGUỒN ĐN-C6
10		THÁI SƠN HP	09/11	2962/11	16/11	HD 2469	CÁM 8A	3 600	3 569	31	14/11	TD	NGUỒN CS
11		KDT HÀ NỘI	10/11	2977/11	17/11	BN 0988	CỤC XÔ 1A	1 000	995	5	15/11	TD	Thay TBRT 2841/10
12		ĐTTM & DV	14/11	3000/11	21/11	QN 4438	CÁM 8A	1 200	1 186	14	15/11	TD	NGUỒN ĐN-C6
13		MV BROAD RICH	08/11	5 796		QNL-TĐ03	TNK-NGA	5 331	4 854	477	13/11	BỐC THAN NK	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***7 930***	***4 062***	***3 868***			
1		TRƯỜNG ANH 888	09/11	2959/11	16/11	VIỆT HÀ 27	CÁM 8A	3 050	2 650	400	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2881/11
2		VT QUẢNG NINH	11/11	2984/11	18/11	BN 2112	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	
3		VTA OCEANUS	13/11	5 914		CẨM PHẢ 21	TNK-LÀO	3 880	1 412	2 468	DỠ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***41 719***		***41 719***			
1		KDT HẢI PHÒNG	04/11	2899/11	14/11	HP 6683	CÁM 6B.1	1 850		1 850		PTCB	NGUỒN HL
2		KDT HẢI PHÒNG	15/11	3008/11	25/11	HP 4846	CÁM 4A.1	1 030		1 030		PTCB	NGUỒN CS
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	15/11	3007/11	25/11	NB 8917	CÁM 7B	3 060		3 060		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
4		KDT HẢI PHÒNG	15/11	3005/11	25/11	HP 5902	CÁM 4A.1	1 450		1 450		PTCB	NGUỒN CS
5		KDT HẢI PHÒNG	15/11	2899/11	25/11	HP 6683	CÁM 6B.1	1 850		1 850		PTCB	NGUỒN HL
6		XDCNM ĐÔNG BẮC	05/11	2901/11	12/11	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2760/10
7		KDT CẬU ĐUỐNG	07/11	2942/11	14/11	HD 2299	CÁM 8A	1 976		1 976		TD	NGUỒN CS
8		TRƯỜNG ANH 888	08/11	2945/11	15/11	HP 6586	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2857/11
9		CROMIT CĐ THANH HÓA	09/11	2960/11	16/11	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		XNK THAN	09/11	2958/11	16/11	AN VINH 18	CÁM 8A	1 930		1 930		TD	NGUỒN ĐN-C6
11		THAN MIỀN TRUNG	09/11	2963/11	16/11	Á ĐÔNG 37	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		DVVTQN	09/11	2856/11	16/11	BN 2203	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
13		SX&TM THAN UÔNG BÍ	10/11	2973/11	17/11	HP 6608	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
14		CROMIT CĐ THANH HÓA	10/11	2965/11	17/11	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS
15		SX&TM THAN UÔNG BÍ	12/11	2817/11	19/11	BN 2115	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS
16		VTA	13/11	2904/11	20/11	QN 7565	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
17		HÀNG HẢI VN	14/11	2999/11	21/11	HD 9189	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		VT & KDT	14/11	2998/11	21/11	BN 0719	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-C6
19		XNK THAN	15/11	3004/11	22/11	BN 1626	CỤC XÔ 1B	917		917		TD	NGUỒN ĐN-C6
20		VẬN TẢI THỦY	15/11	3001/11	22/11	NAM ANH 69	CÁM 8A	1 458		1 458		TD	NGUỒN ĐN-C6
21		DVVTQN	15/11	3002/11	22/11	BN 2776	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6
22		MV QUEEN SARAH	14/11	5936		QNL -TĐ 03	TNK-Mozambique	5 331		5 331		BỐC THAN NK	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**8 266**	-	**8 266**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***8 266***		***8 266***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	07/11	737/11	17/11	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.10	2 380		2 380		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHÁ LẠI	12/11	746/11	22/11	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHÁ LẠI	13/11	747/11	23/11	TĐ 45-3	CÁM 5B.10	3 572		3 572		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**45 133**	**23 124**	**22 009**			
	Tàu đã làm hàng							***22 325***	***22 214***	***111***			
1		KDT MIỀN BẮC	08/11	2944/11	18/11	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585	2 579	6	13/11	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	08/11	2953/11	18/11	HẢI ĐĂNG 666	CÁM 5A.1	3 800	3 780	20	13/11	PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	13/11	2995/11	23/11	TẤN PHÚC 01	CÁM 6A.1	3 200	3 193	7	14/11	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	15/11	3006/11	25/11	HP 5795	CÁM 6A.1	5 068	5 047	21	15/11	PTCB	
5		VẬN TẢI THỦY	09/11	2957/11	16/11	QN 7535	CỤC DON 8A	1 150	1 130	20	14/11	TD	NGUỒN QH
6		XNK ANH KHOA	13/11	2993/11	20/11	BN 1997	CỤC XÔ 1B	1 122	1 110	12	15/11	TD	NGUỒN QH
7		DVVTQN	14/11	2996/11	21/11	BN 1856	BÙN TUYỂN 3C	1 200	1 186	14	15/11	TD	
8		KHO VẬN ĐÁ BẠC	13/11	2991/11	23/11	CỬA ÔNG 05	CÁM 6A.1	2 100	2 095	5	13/11	CHUYÊN VÙNG	
9		KHO VẬN ĐÁ BẠC	13/11	2992/11	23/11	CỬA ÔNG 16	CÁM 6B.1	2 100	2 094	6	14/11	CHUYÊN VÙNG	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***1 600***	***910***	***690***			
1		THAN MIỀN NAM	15/11	3003/11	22/11	Á ĐÔNG 168	CỤC DON 6B	1 600	910	690	DỠ	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***21 208***		***21 208***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2892/11	14/11	THẮNG LỢI 68	CÁM 5B.1	4 200		4 200		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	10/11	2978/11	20/11	MINH HẰNG 222	CÁM 5B.1	4 600		4 600		PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	15/11	3011/11	25/11	QUANG TRUNG 79	CÁM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
4		TRƯỜNG ANH 888	08/11	2948/11	15/11	AN THÀNH 18	BÙN TUYỂN 3C	2 400		2 400		TD	
5		THÁI SƠN HP	13/11	2990/11	20/11	HP 8566	CỤC DON 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
6		XNK THAN	13/11	2988/11	20/11	FLJ 777	BÙN TUYỂN 3C	2 200		2 200		TD	NGUỒN QH
7		XNK ANH KHOA	13/11	2993/11	20/11	BN 1997	CỤC XÔ 1B	1 122		1 122		TD	NGUỒN QH
8		DVVTQN	14/11	2997/11	21/11	QN 8547	BÙN TUYỂN 3C	996		996		TD	
9		XDCNM ĐÔNG BẮC	15/11	3009/11	22/11	BN 2022	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	Thay TBRT 2985/11
10		THÁI SƠN HP	15/11	3010/11	22/11	BN 1666	CỤC DON 8A	1 190		1 190		TD	Thay TBRT 2990/11
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**13 910**	-	**13 910**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***13 910***		***13 910***			
1		CAMPUCHIA	30/10	7605		MV MINH ANH 03	CỤC 4B.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
2		INDONESIA	03/11	7550		MV HOANG PHUONG 46	CÁM 2A.1	1 910		1 910			TTHG: 1.910
3		THÁI LAN	06/11	7864		MV HOANG PHUONG LUCKY	CÁM 1	6 000		6 000			KVCP: 6.000
4		ĐÀI LOAN	06/11	7866		MV JIAN RUI 7	CỤC 4A.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**70 100**	**14 068**	**56 032**			
	Tàu đã làm hàng							***10 000***	***10 068***	***- 68***			
1		ÚC	05/11	7831		MV MARIANNE STOEGER	Than xx Úc	10 000	10 068	- 68	15/11		TTCO: 10.068,06
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***34 000***	***4 000***	***30 000***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
2		LÀO	05/11	7832		VTA OCEANUS	Than Anthracite Lào	11 000	4 000	7 000	DỠ		TTCO: 7.000 KVCP: 4.000
3		MOZAMBIQUE	9/11	7907		MV QUEEN SARAH	Than xx Mozambique	10 000		10 000			TTCO: 5.000 KVCP: 5.000
	Tàu đã làm lệnh							***26 100***		***26 100***			
1		LÀO	09/11	7921		VIỆT THUẬN 235-06	Than Anthracite Lào	6 100		6 100			KVCP: 6.100
2		LÀO	13/11	8020		VIỆT THUẬN 26-01	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			KVCP: 5.000
3		ÚC	13/11	8026		MV GENEVA QUEEN	Than xx Úc	5 000		5 000			TTCO: 5.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14-16 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		MOZAMBIQUE	13/11	8038		MV CAPE RACE	Than xx Mozambique	10 000		10 000			KVCP: 10.000